TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 186/2026/QĐST-DS	*Đồng Tháp, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 278/2026/TLST- DS, ngày 01 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Tên cũ là Ngân hàng Thương mại cổ phần S1); Địa chỉ: số D đường N, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng H. Chức vụ: Giám đốc Phòng G, thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần S là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2025).

- Bị đơn:

1. Anh Trần Minh C, sinh năm 1985;

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Số B, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/01/2026 230.635.836 đồng (Trong đó vốn gốc là vốn gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 20.374.795 đồng, lãi quá hạn là 9.328.219 đồng, lãi phạt là 932.822 đồng).

2.2. Về dư nợ gốc mà anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B còn nợ lại là 200.000.000 đồng, anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà Hợp đồng tín dụng số 202327100578 ngày 17/5/2023; Giấy nhận nợ LD2414500525 ngày 24/5/2024 giữa Ngân hàng với anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 10/01/2026 cho đến khi anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2.3. Công nhận hợp đồng thế chấp số 202327100578A ngày 17/5/2023. Trường hợp anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng số 202327100578 ngày 17/5/2023; Giấy nhận nợ LD2414500525 ngày 24/5/2024 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 202327100578A ngày 17/5/2023 quy định. Nếu phát mãi các tài sản nêu trên mà vẫn chưa đủ nợ gốc và lãi phát sinh thì anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S đến khi tất toán nợ vay.

Sau khi anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ xong thì Ngân hàng thương mại cổ phần S sẽ hoàn trả lại tài sản thế chấp cho anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B theo quy định.

2.4. Về án phí: Anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện nộp 6.066.000 đồng (Sáu triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩmdân sự.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩmdân sự. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.566.000 đồng (Năm triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003467 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

2.5. Về chi phí thẩm định: Anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện chịu 400.000 đồng, số tiền này Ngân hàng thương mại cổ phần S đã tạm nộp chi xong, anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 400.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Lê Quan Nam